

Số: 47/2026/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức;
thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long
giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Xét Tờ trình số 617/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định. Hàng năm, căn cứ vào quy định tại Nghị quyết này, tình hình thực tế,

chỉ tiêu biên chế được phân bổ, vị trí việc làm và nhu cầu thu hút của các cơ quan, địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục ngành nghề cần thu hút phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (trong đó, xác định rõ số lượng, vị trí việc làm và ngành nghề cần thu hút của tỉnh) và số lượng chỉ tiêu của từng cơ quan, đơn vị cần thu hút để làm cơ sở thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

5. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; thu hút nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2025 - 2030.

6. Đối với các đối tượng đã được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre nhưng chưa hoàn thành thời gian phục vụ theo cam kết thì sẽ xem xét xử lý theo quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Dũng

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức; thu hút nguồn nhân lực
chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 - 2030**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2026/NQ-HĐND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể:

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo chuyên môn sau đại học đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh (không bao gồm các cơ quan, đơn vị ngành dọc do Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh).

Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh (không bao gồm các cơ quan, đơn vị ngành dọc do Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh).

2. Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đối với một số ngành nghề và vị trí việc làm theo danh mục tại Quy định này.

Đối tượng áp dụng: Những người được thu hút về công tác tại tỉnh và trở thành cán bộ, công chức của tỉnh trong một số ngành nghề và vị trí việc làm theo danh mục tại Quy định này.

3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách

1. Các chính sách trong quy định này được áp dụng đối với cán bộ, công chức hoàn thành khóa đào tạo sau đại học hoặc được thu hút sau khi Nghị quyết có hiệu lực. Chính sách thu hút chỉ được áp dụng đối với các trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận và bố trí vào đúng vị trí việc làm thuộc danh mục ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên thu hút hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Cán bộ, công chức được hưởng hỗ trợ sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện của chính sách. Trường hợp cán bộ, công chức thuộc đối tượng áp dụng chính sách theo quy định tại Nghị quyết này; đồng thời, thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được

hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

3. Những người được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định này nếu không thực hiện đúng theo các nội dung đã cam kết, thì phải có trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đã được hỗ trợ. Việc bồi hoàn kinh phí được tính theo tỷ lệ thời gian chưa thực hiện cam kết phục vụ.

4. Khi phát sinh trường hợp bồi hoàn kinh phí, cơ quan sử dụng cán bộ, công chức có trách nhiệm báo cáo, đề xuất việc bồi hoàn kinh phí về Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy để phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện việc bồi hoàn kinh phí theo quy định.

Điều 3. Trường hợp bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

1. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút theo Quy định này phải bồi hoàn kinh phí đã nhận trong các trường hợp sau:

a) Cán bộ, công chức sau khi hoàn thành khóa đào tạo hoặc người được thu hút về tỉnh công tác nhưng không thực hiện đúng thời gian cam kết phục vụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị của tỉnh theo quy định.

b) Cá nhân tự ý bỏ việc, thôi việc hoặc xin chuyển công tác theo nguyện vọng ra ngoài tỉnh khi chưa phục vụ đủ thời gian đã cam kết.

c) Cá nhân bị kỷ luật ở hình thức buộc thôi việc trong thời gian đang thực hiện cam kết phục vụ.

2. Chi phí bồi hoàn

Toàn bộ các khoản hỗ trợ đã được nhận từ ngân sách tỉnh theo Quy định này (có tính giảm trừ thời gian công tác đã phục vụ).

3. Thẩm quyền và quy trình thu hồi

Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công chức khi phát sinh trường hợp vi phạm có trách nhiệm gửi văn bản và hồ sơ liên quan; đồng thời, đề xuất mức tiền phải thực hiện thu hồi về Sở Nội vụ (đối với khối Nhà nước) và Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với khối Đảng, Đoàn thể) để chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định số tiền bồi hoàn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi, cá nhân có trách nhiệm nộp đầy đủ số tiền bồi hoàn vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Các trường hợp không thực hiện đền bù kinh phí hỗ trợ

a) Cán bộ, công chức bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn hoặc mất năng lực hành vi dân sự dẫn đến không còn đủ sức khỏe để tiếp tục công tác hoặc hoàn thành thời gian cam kết (có xác nhận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh trở lên).

b) Các tình huống thiên tai, dịch bệnh hoặc các lý do khách quan khác mà cá nhân không thể kiểm soát được dẫn đến việc gián đoạn công tác (được cơ quan có thẩm quyền xác nhận).

c) Cán bộ, công chức thuộc đối tượng tinh giản biên chế hoặc do sắp xếp lại tổ chức bộ máy mà không thể bố trí được vị trí việc làm phù hợp với chuyên

môn đã được đào tạo/thu hút.

d) Cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền điều động, luân chuyển sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị ngoài phạm vi điều chỉnh của Quy định nhưng vẫn thuộc hệ thống chính trị hoặc theo yêu cầu đặc biệt của Đảng và Nhà nước.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; cán bộ, công chức xã, phường (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức) có ngành nghề đào tạo sau đại học thuộc những ngành nghề có nhu cầu cần thiết để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Phụ lục I (Danh mục ngành nghề cần thực hiện đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức giai đoạn 2026 - 2030).

b) Cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ phù hợp chuyên môn và vị trí việc làm.

2. Điều kiện để hưởng chính sách

a) Đáp ứng các điều kiện cử đi học sau đại học theo quy định hiện hành;

b) Được cơ quan có thẩm quyền quyết định cử đi học;

c) Đối với đối tượng tại điểm a khoản 1 Điều này thì ngành nghề đào tạo sau đại học là những ngành nghề có nhu cầu cần thiết để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (Phụ lục I - Danh mục ngành nghề cần thực hiện đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức giai đoạn 2026 - 2030);

d) Hoàn thành khóa học và được cấp bằng tốt nghiệp theo đúng thời gian quy định;

đ) Có cam kết công tác theo sự phân công của các cơ quan có thẩm quyền ít nhất gấp 03 lần thời gian học.

3. Mức hỗ trợ

Cán bộ, công chức đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại khoản 2 Điều này, ngoài việc được hỗ trợ kinh phí trong thời gian đào tạo theo quy định hiện hành, sẽ được hỗ trợ bằng tiền sau khi hoàn thành khóa đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp:

a) Tiến sĩ: 300.000.000 đồng;

b) Thạc sĩ: 100.000.000 đồng.

4. Phương thức hỗ trợ

Cán bộ, công chức sau khi hoàn thành khóa đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp theo đúng thời gian quy định sẽ được hỗ trợ 50% mức kinh phí hỗ trợ tương ứng với trình độ được đào tạo. Sau khi hoàn thành thời gian cam kết phục vụ theo quy định, cán bộ, công chức sẽ được hỗ trợ 50% mức kinh phí hỗ trợ còn lại.

Chương III

CHÍNH SÁCH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 5. Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

1. Đối tượng thu hút

a) Người có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ ở các ngành, nghề theo Phụ lục II - Danh mục ngành nghề cần thu hút phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030;

b) Cán bộ, công chức ở nơi khác có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ ở các ngành, nghề theo Phụ lục II - Danh mục ngành nghề cần thu hút phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 được tiếp nhận về tỉnh công tác.

2. Điều kiện để hưởng chính sách thu hút

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này

Người thu hút phải được tuyển dụng hoặc tiếp nhận và bố trí vào đúng vị trí việc làm thuộc danh mục nhu cầu thu hút hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

Có phẩm chất đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Dưới 45 tuổi đối với người có trình độ thạc sĩ; còn đủ 09 năm công tác đến tuổi nghỉ hưu đối với người có trình độ tiến sĩ (tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách thu hút);

Có cam kết công tác tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh ít nhất 06 năm đối với người có trình độ thạc sĩ, 09 năm đối với người có trình độ tiến sĩ;

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này

Ngoài các quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, người thu hút phải đáp ứng các tiêu chí sau:

Chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 công trình nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp Bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận và đưa vào áp dụng thực tiễn mang lại hiệu quả thiết thực hoặc có ít nhất một sáng kiến cấp tỉnh trước thời điểm thu hút.

Trong 03 năm liên tục gần nhất trước thời điểm thu hút được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trong đó, có ít nhất 01 năm được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Mức hỗ trợ

a) Chính sách hỗ trợ bằng tiền:

Đối với đối tượng thu hút tốt nghiệp ở trong nước: Tiền sĩ: 300.000.000 đồng; Thạc sĩ: 200.000.000 đồng. Đối với đối tượng thu hút tốt nghiệp ở các Trường Đại học được xếp hạng trong nhóm 10 Trường đứng đầu cả nước sẽ được hỗ trợ thêm 50% mức hỗ trợ.

Đối với đối tượng thu hút tốt nghiệp ở nước ngoài: Tiền sĩ: 600.000.000 đồng; Thạc sĩ: 400.000.000 đồng.

b) Chính sách hỗ trợ sinh hoạt và lưu trú:

Người được thu hút về công tác tại các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này sẽ được hỗ trợ như sau:

Hỗ trợ tiền sinh hoạt và lưu trú với số tiền 3.000.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ trong vòng 03 năm kể từ ngày được tuyển dụng hoặc tiếp nhận vào làm cán bộ, công chức của tỉnh;

Người được thu hút là nữ, người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm 2.000.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ trong vòng 03 năm kể từ ngày được tuyển dụng hoặc tiếp nhận vào làm cán bộ, công chức của tỉnh.

4. Phương thức hỗ trợ

Người thu hút sau khi được bổ nhiệm vào ngạch công chức hoặc đã có quyết định tiếp nhận công tác (đối với trường hợp cán bộ, công chức chuyển công tác về tỉnh) sẽ được hỗ trợ 50% mức kinh phí hỗ trợ tương ứng với trình độ được thu hút. Sau khi hoàn thành thời gian cam kết phục vụ theo quy định và trong thời gian này được thủ trưởng cơ quan, đơn vị đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, người thu hút sẽ được hỗ trợ 50% mức kinh phí hỗ trợ còn lại.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các chính sách tại Quy định này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn việc thực hiện Quy định này, bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ, đồng thời báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

Phụ lục I
DANH MỤC NGÀNH NGHỀ
CẦN THỰC HIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức;
thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 – 2030
kèm theo Nghị quyết số 47/2026/NQ-HĐND)*

1. Nhóm ngành kinh tế

- Kinh tế biển (nuôi trồng, khai thác, chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá), Kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã);
- Phát triển nông nghiệp bền vững (các ngành: trồng trọt, thủy sản, chăn nuôi), thích ứng biến đổi khí hậu, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn;
- Công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo;
- Phát triển hạ tầng thủy lợi (Thủy công; Thủy nông; Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình thủy; Thủy nông và cải tạo đất; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật cấp thoát nước), giao thông, logistics, xây dựng, phát triển đô thị, kiến trúc;
- Các ngành lâm nghiệp: Lâm sinh, quản lý tài nguyên rừng;
- Các ngành về tài nguyên môi trường, quản lý đất đai;
- Quy hoạch và quản lý đô thị;
- Quản lý kinh tế, Kinh tế phát triển, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính - Ngân hàng.

2. Nhóm ngành văn hóa, xã hội

- Du lịch, quản trị du lịch;
- Luật;
- Văn hóa học.

3. Nhóm ngành khoa học công nghệ

- Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm;
- Công nghệ hóa học; Hóa hữu cơ;
- Địa chất học;
- Kỹ thuật hóa học;
- Kỹ thuật điện; kỹ thuật cơ khí;
- Công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng;
- Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý công nghệ, Truyền thông đa phương tiện, Kỹ thuật điện tử - Viễn thông (chuyên ngành Kỹ thuật thiết kế vi

mạch bán dẫn).

4. Các ngành khác

- Chính sách công;
- Quản lý công;
- Công tác xã hội;
- Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước.

Phụ lục II
DANH MỤC NGÀNH NGHỀ CẦN THU HÚT PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
*(Ban hành kèm theo Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức;
thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 – 2030
kèm theo Nghị quyết số 47/2026/NQ-HĐND)*

1. Nhóm ngành kinh tế

- Kinh tế biển; kinh tế nông nghiệp;
- Phát triển nông nghiệp bền vững (các ngành: trồng trọt, thủy sản, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y); kinh tế nông nghiệp; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; lâm nghiệp, phát triển nông thôn;
- Phát triển hạ tầng thủy lợi (Thủy công; Thủy nông; Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình thủy; Thủy nông và cải tạo đất; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật cấp thoát nước);
- Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản lý đô thị, Tài chính ngân hàng;
- Kinh tế số.

2. Nhóm ngành khoa học công nghệ

- Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm;
- Công nghệ hóa học; Hóa hữu cơ;
- Địa chất học;
- Kỹ thuật hóa học;
- Kỹ thuật điện; kỹ thuật cơ khí;
- Môi trường;
- Trí tuệ nhân tạo (AI);
- Dữ liệu số.

3. Nhóm ngành văn hóa, xã hội

- Ngành luật;
- Quản lý giáo dục;
- Văn hóa học;
- Tôn giáo.

Phụ lục III
MẪU BẢN CAM KẾT PHỤC VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC
HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, THU HÚT

*(Ban hành kèm theo Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức;
thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 – 2030
kèm theo Nghị quyết số 47/2026/NQ-HĐND)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT

**Thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức được hưởng
chính sách đào tạo sau đại học/chính sách thu hút nguồn nhân lực**

Tôi tên là: Sinh năm:

Số CCCD: cấp ngày: nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

.....

Nơi ở hiện nay:.....

.....

Điện thoại liên lạc:

Là cán bộ, công chức của:

Được (tên thủ trưởng của cơ quan
có thẩm quyền) cử tham dự khóa đào tạo:

Thời gian từ: đến tại.....

Hoặc

Được (tên thủ trưởng của cơ quan có
thẩm quyền) thực hiện thu hút về bố trí công tác tại.....từ

.....

Tôi xin cam kết làm việc theo sự phân công, bố trí của cơ quan có thẩm quyền, thời gian phục vụ ít nhất ... năm. Nếu không phục vụ đủ thời gian cam kết, tôi xin chịu trách nhiệm trước cơ quan, đơn vị và chấp nhận bồi hoàn kinh phí đã nhận theo quy định.

Bản cam kết này được lập thành 03 bản: 01 bản lưu tại cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng công chức; 01 bản lưu giữ tại Sở Nội vụ và 01 bản do người cam kết giữ./.

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ

NGƯỜI CAM KẾT
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục IV
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
ĐÀO TẠO, THU HÚT

*(Ban hành kèm theo Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức;
thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026 – 2030
kèm theo Nghị quyết số 47/2026/NQ-HĐND)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Hưởng chính sách thu hút nguồn nhân lực/chính sách
hỗ trợ đào tạo sau đại học

Kính gửi:

Tôi tên là: Sinh năm:

Số CCCD: cấp ngày: nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

.....

Nơi ở hiện nay:.....

Điện thoại liên lạc:

Hiện là cán bộ, công chức của:

Tôi đã được cơ quan cử đi đào tạo ngành...., được cấp bằng.../được
tuyển dụng, thu hút vào vị trí

Căn cứ quy định tại khoản.... Điều..... Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND
ngày ...tháng ... năm 2026 của HĐND tỉnh Vĩnh Long thì tôi thuộc đối
tượng.....

Nay tôi đăng ký hưởng chế độ với số tiền là

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, giải quyết./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ, tên)